



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 07

Ngày 01 tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-01-2019- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 25-12-2018- Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1. 11

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

17-01-2019- Quyết định số 281/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

22

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 12312/TTr-STP-TC ngày 22 tháng 11 năm 2018, của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4753/TTr-SNV ngày 12

tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố về công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; đăng ký biện pháp bảo đảm; thừa phát lại; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; hòa giải thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công tác tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.”.

2. Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tư vấn pháp luật

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Ủy ban nhân dân thành phố trình; đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh; tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

c) Tham gia xây dựng, góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan chuyên môn khác của Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì soạn thảo theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Tổ chức lấy ý kiến về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp.

e) Thực hiện tư vấn pháp luật theo sự chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện đối với những vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.”.

3. Khoản 6, Khoản 7 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Thực hiện kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định của Ủy ban nhân dân; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

d) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị; tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn, kiểm tra văn bản theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực theo quy định.

đ) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đôn đốc, chỉ

đạo công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

e) Thực hiện việc rà soát thường xuyên và rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực đối với văn bản có liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

g) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Thực hiện việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật; là đầu mối tổ chức cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn còn hiệu lực thi hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

i) Tổ chức quản lý đội ngũ công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.”.

4. Điểm b Khoản 12 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Xây dựng hệ thống tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch; quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định.”.

5. Khoản 14 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“14. Công tác bồi thường của nhà nước

a) Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.

b) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định.

c) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương mình.

d) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý; kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định.

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước.

e) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”.

6. Khoản 15 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, hoạt động trợ giúp pháp lý của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành thành phố về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý.

d) Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo quy định; cấp, thay đổi nội dung, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

đ) Công bố danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

e) Lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.”

7. Khoản 19 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“19. Công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản

a) Tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đấu giá tài sản, chính sách phát triển nghề đấu giá tài sản.

b) Tổ chức đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản.

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.

d) Bảo đảm biên chế, cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập có thu; hỗ trợ việc bảo đảm an ninh, trật tự cho cuộc đấu giá theo đề nghị của tổ chức đấu giá tài sản.

đ) Xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đề án chuyển đổi Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thành doanh nghiệp trong trường hợp không cần thiết duy trì Trung tâm, đề án giải thể Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong trường hợp không có khả năng chuyển đổi Trung tâm thành doanh nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tư pháp.

8. Khoản 21 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“21. Công tác quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

b) Xây dựng hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương.

c) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

d) Hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật, tích hợp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất vào Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm.

đ) Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật.”.

9. Khoản 22 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“22. Công tác quản lý nhà nước về thừa phát lại

Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức, hoạt động thừa phát lại trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân thành phố.”

10. Bổ sung Khoản 22a và 22b vào sau Khoản 22 như sau:

“22a. Công tác quản lý nhà nước về hòa giải thương mại

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại

nước ngoài tại Việt Nam.

b) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở.

c) Cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ về hòa giải thương mại.

22b. Công tác quản lý nhà nước về quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

a) Đăng ký hành nghề, công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương.

b) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

c) Rà soát, phát hiện các trường hợp thuộc diện thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên tại địa phương và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định.”

11. Điểm e Khoản 31 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“e) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thi hành các quy định pháp luật về quốc phòng, an ninh theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật, phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.”

12. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Giám đốc Sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu Sở Tư pháp, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở, việc chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn thành phố và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.”

13. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.”.

Điều 2. Bãi bỏ Khoản 8 và Khoản 10 Điều 3.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2018/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 25 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2014/TT-BTP - BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp Quận 1 tại Tờ trình số 230/TTr-TP ngày 12 tháng 11 năm 2018 và đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ Quận 1 tại Tờ trình số 1359/TTr-NV ngày 21 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 1, Trưởng phòng Nội vụ Quận 1, Trưởng phòng Tư pháp Quận 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ**

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp Quận 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

Chương I**VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG****Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Vị trí:

Phòng Tư pháp Quận 1 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1; có tư cách pháp nhân, có con dấu; Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

2. Chức năng:

Phòng Tư pháp Quận 1 thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về lĩnh vực tư pháp; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật

về các lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận trong lĩnh vực tư pháp.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực tư pháp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ công tác tư pháp ở phường theo quy định pháp luật.

5. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng quyết định thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận chủ trì xây dựng;

b) Thẩm định dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận; góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức lấy ý kiến, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, theo yêu cầu của Sở Tư pháp và các sở ngành có liên quan.

6. Công tác tư vấn pháp luật:

a) Thực hiện tư vấn pháp luật theo chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận 1.

b) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các phòng, ban, Ủy ban nhân dân 10 phường đối với những vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Phòng Tư pháp.

7. Công tác theo dõi thi hành pháp luật:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân quận ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa bàn Quận 1.

c) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân quận về việc xử lý kết quả theo dõi tình

hình thi hành pháp luật.

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.

8. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành; hướng dẫn công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành;

b) Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận ban hành theo quy định của pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận.

10. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận (thông qua Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật) ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật được ban hành.

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Quận 1.

c) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại Quận 1, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân phường trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn.

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định.

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở phường và ở các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật.

11. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ về xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

12. Công tác quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch phường.

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban nhân dân quận quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật).

c) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định.

d) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.

13. Thực hiện nhiệm vụ quản lý về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

14. Công tác chứng thực:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

c) Thực hiện chứng thực một số việc khác theo quy định của pháp luật.

15. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải ở cơ sở;

18. Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Quận 1;

b) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quận.

19. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

20. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định pháp luật.

21. Tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng.

22. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp và khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

23. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực quản lý đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

24. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

25. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

26. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tư pháp Quận 1 có Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng và các công chức khác.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của công chức Tư pháp - Hộ tịch 10 phường theo quy định pháp luật.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng (bằng văn bản).

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định theo quy định của pháp luật.

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng, vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, Phòng Tư pháp được tổ chức thành 02 bộ phận gồm: Bộ phận hành chính tư pháp (chứng thực - hộ tịch) và bộ phận tham mưu - tư vấn - tổng hợp để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Quận 1 hằng năm.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Tư pháp được căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định và đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong đơn vị.

2. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công hoặc ủy quyền, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, các Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng công chức đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Định kỳ hàng tháng họp toàn thể đơn vị để đánh giá tình hình công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng công chức. Trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng phòng.

4. Định kỳ hàng quý tổ chức họp giao ban với công chức Tư pháp - Hộ tịch phường để đánh giá tình hình thực hiện công tác tư pháp, hộ tịch tại 10 phường.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị. Nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tư pháp:

Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ

của Sở Tư pháp, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Đối với Hội đồng nhân dân quận:

Trưởng Phòng Tư pháp có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Quận 1 khi được yêu cầu.

3. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tư pháp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tư pháp tập hợp các ý kiến và trình Phó Chủ tịch phụ trách khối hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành,

lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Ủy ban nhân dân các phường thực hiện việc báo cáo, cung cấp số liệu có liên quan đến công tác tư pháp theo đề nghị của Phòng Tư pháp Quận 1;

d) Khi cần thiết Phòng Tư pháp Quận 1 trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân phường để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành tại địa phương.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tư pháp Quận 1 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của đơn vị, nhưng không trái với nội dung Quy chế này.

Điều 9. Trưởng phòng Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng phòng Tư pháp phối hợp với Trưởng phòng Nội vụ đề xuất bổ sung và sửa đổi Quy chế trình Ủy ban nhân dân Quận 1 xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 281/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Công Thương****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 9677/TTr-SCT ngày 27 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 41 thủ tục hành chính mới ban hành, 11 thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, 49 thủ tục hành chính được thay thế và 91 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (trong đó có 49 thủ tục bị bãi bỏ do bị thay thế) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2019.

Bãi bỏ Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có số thứ tự B.1 tại Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính đặc thù được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có số thứ tự: A.I.1, A.I.2, A.I.3, A.I.4, A.I.5, A.I.6, A.I.7, A.I.8, A.I.9, A.II.2, A.II.3, A.II.4, A.II.5, A.II.6, A.II.7, A.II.8, A.II.9, A.II.10, A.II.11, A.II.12, A.II.13, A.II.14, A.III.1, A.III.2, A.III.3, A.III.4, A.III.5, A.III.6, A.III.7, A.III.8, A.III.9, A.III.10, A.III.11, A.III.12, A.III.13, A.III.14, A.III.15, A.III.16, A.III.17, A.III.18, A.III.19, A.III.20, A.III.21, A.III.22, A.III.23, A.III.24, A.III.25, A.III.26, A.III.27, A.III.28, A.III.29, A.III.30, A.III.31, A.III.32, A.III.33, A.III.34, A.III.35, A.III.36, A.III.37, A.III.38, A.III.39, A.III.40, A.III.41, A.III.42, A.III.43, A.III.44, A.III.45, A.III.46, A.III.47, A.III.48, A.III.49, A.III.50, A.III.51, A.III.52, A.III.53, A.III.54, A.III.55, A.V.1, A.V.2, A.V.5, A.V.6, A.VI.1, A.VI.2, A.VI.3, A.VII.2, A.IX.1, A.X.1, A.X.2, A.X.3, A.X.4, B.I.1, B.I.2, B.I.3, B.II.1, B.II.2, B.II.3, B.II.4, B.II.5, B.II.6, C.I.1, C.I.2, C.I.3 tại Quyết định số 5595/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã - thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

A.1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Điện (04 TTHC)					
1	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 400.000 đồng	Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 400.000 đồng.
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng,	Phí thẩm định: 1.050.000 đồng		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 1.050.000

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương		Phường 6, Quận 3)		Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực	đồng.
3	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 350.000 đồng	Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 350.000 đồng.
4	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 400.000 đồng		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 400.000 đồng.
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (12 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng,	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Thủ tục cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc	Phường 6, Quận 3)	nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm m kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm m kinh doanh/ lần thẩm định.	chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
3	Thủ tục cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc				
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm m kinh	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc		doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	lần thẩm định.
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc				
9	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện	07 ngày làm việc		- Hộ kinh doanh, cá nhân:		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thương nhân kinh doanh mua bán LNG			nhân: 400.000 đồng/điểm m kinh doanh/ lần thẩm định.		
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm m kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
11	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc				
12	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc		- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm m kinh doanh/		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				lần thăm định.		
III	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (03 TTHC)					
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	
2	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc		Không		
3	Thủ tục Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc		Không		Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
IV	Lĩnh vực Thương mại quốc tế (16 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước	Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			3)		ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, gồm:</p> <p>+ Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này (theo yêu cầu điều kiện tại mục 1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính);</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>+ Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này (Khoản 6, Điều 5, Nghị định 09: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
2	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế	28 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn		163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)		thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>- Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, gồm;</p> <p>+ Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này (theo yêu cầu điều kiện tại mục 1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính);</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế -</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>+ Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>(Khoản 6, Điều 5, Nghị định 09: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						(nếu có).
3	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, gồm; <ul style="list-style-type: none"> + Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này (theo yêu cầu điều kiện tại mục 1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính); + Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kê

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>+ Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này (Khoản 6, Điều 5, Nghị định 09: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
4	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, gồm; + Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này (theo yêu cầu điều kiện tại mục 1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính);

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>+ Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>+ Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này (Khoản 6, Điều 5, Nghị định 09: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <p>-Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						nghiệp; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
6	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Trường hợp thay đổi: Tên, mã số doanh nghiệp và người đại diện theo	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước	Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018); - Trường hợp thay đổi:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>pháp luật: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp thay đổi: Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập; Hàng hóa phân phối; Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và các nội dung</p>			ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>Tên, mã số doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trường hợp thay đổi: Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập; Hàng hóa phân phối; Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và các nội dung khác (nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018):</p> <p>+ Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		khác (nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018): 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này (theo yêu cầu điều kiện tại mục 1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính) * Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh; * Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>* Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này (Khoản 6, Điều 5, Nghị định 09: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <p>+ Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p> <p>Thời hạn giải quyết:</p> <p>- Trường hợp thay đổi: Tên, mã số doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật (thực hiện theo điểm b, khoản 4, điều 13, Nghị định 09/2018/NĐ-CP): 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thay đổi: Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập; Hàng hóa phân phối; Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và các nội dung khác (nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018) (thực hiện theo Điểm b Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 13): 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>
7	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>- Bản giải trình có nội</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	<p>dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh; - Kế hoạch kinh doanh: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh; - Kế hoạch tài chính: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>- Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này (khoản 6, điều 5: Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có). - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP). - Bản giải trình có nội dung: + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).
8	Thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
9	Thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định). - Bản giải trình có nội dung: + Địa điểm lập cơ sở bán

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>lẽ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <p>+ Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</p> <p>+ Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn. - Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh. - Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý;</p> <p>+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể: (1) Tạo việc làm cho lao động trong nước; (2) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý; (3) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý; (4) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.</p>
10	Thủ tục cấp Điều chỉnh tên, mã số	05 ngày làm việc	Sở Công Thương	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		(địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)		phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
11	Thủ tục cấp Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
12	Thủ tục cấp Điều	20 ngày	Sở Công	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chính tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	làm việc	Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)		ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
13	Thủ tục cấp Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP). b) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất; c) Bản giải trình có nội dung: + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định về Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý (tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP); kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh; + Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>d) Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>đ) Bản giải trình các tiêu chí ENT (quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP) gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý; + Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể: (a) Tạo việc làm cho lao động trong nước; (b) Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý; (c) Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý; (d) Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.
14	Thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
15	Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
16	Thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP) b) Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung: - Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ; gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý; + Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý;</p> <p>+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Tạo việc làm cho lao động trong nước; * Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý; * Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý * Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước. <p>- Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;</p> <p>- Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;</p> <p>c) Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>d) Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>đ) Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).

A.2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/ huyện
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện			Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.	quận/ huyện
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện			Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm định Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/ huyện
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp:	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí	- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/ huyện
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/ huyện	- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				thẩm định.	cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**B.1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (02 TTHC)						
1	T-HCM-271817-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						<p>15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	
2	T-HCM-271820-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	<p>Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ</p>	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						<p>Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện</p>	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hành hóa.	
II	Lĩnh vực Điện (03 TTHC)						
1	T-HCM-271920- -TT	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.100.000 đồng	Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 800.000 đồng.
2	T-HCM-271919- -TT	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	15 ngày làm việc		Phí thẩm định: 700.000 đồng	Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 800.000 đồng.
3	T-HCM-271921- -TT	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	15 ngày làm việc		Phí thẩm định: 800.000 đồng	Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương. Phí thẩm định: 800.000 đồng.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						<p>phép hoạt động điện lực</p> <p>Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực</p> <p>Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>	
III	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (04 TTHC)						
1	T-HCM-271839-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng,	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm m kinh	Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Nghị định số	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
		doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương		Phường 6, Quận 3)	doanh/lần thẩm định	08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
2	T-HCM-271842-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
3	T-HCM-271845-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						<p>Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/ 10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	
4	T-HCM-271848	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Phí thẩm định: 1.200.000	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/lần thẩm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	-TT	buôn sản phẩm thuốc lá		163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	<p>Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p>	định

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						<p>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	

B.2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận - huyện

78

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (01 TTHC)							
1	T-HCM-271937-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.100.000đ/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 1.100.000đ/ lần thẩm định/hồ sơ Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
II Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (01 TTHC)							
1	T-HCM-271940-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định Địa điểm thực hiện (theo Nghị định

CÔNG BÁO/Số 07/Ngày 01-02-2019

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện</p>	<p>61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế

C.1. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (07 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<p>Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số</p>	<p>Thành phố hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (theo mẫu); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá; - Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. <p>Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.</p>
2	Thủ tục cấp lại	15 ngày	Sở Công	Phí thẩm	Chính phủ sửa đổi một số	Phí thẩm định: 2.200.000

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	làm việc	Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	đồng/lần thẩm định/hồ sơ.
3	Thủ tục cấp Giấy	10 ngày	Sở Công	Phí thẩm	Nghị định số 67/2013/NĐ-	Phí thẩm định (Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	làm việc	Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
4	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>106/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	
5	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Phí thẩm định: 2.200.000	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ	Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	mô dưới 3 triệu lít/năm)		163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	đồng/lần thẩm định/hồ sơ	về kinh doanh rượu. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	định/hồ sơ
6	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ		Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
7	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ		Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
II	Lĩnh vực Điện (01 TTHC)					
1	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Phí thẩm định: 800.000	Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương		163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	đồng	<p>Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực.</p> <p>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p> <p>Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực</p> <p>Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực</p> <p>Quyết định số 4712/QĐ-</p>	Phí thẩm định: 800.000 đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố.	
III	Lĩnh vực Hóa chất (06 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000đ/ Giấy chứng nhận	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức	Phí thẩm định: 1.200.000đ/ Giấy chứng nhận
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận	Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000đ/ Giấy chứng nhận		Phí thẩm định: 1.200.000đ/ Giấy chứng nhận
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận		Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận
6	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng	12 ngày	Sở Công Thương	Phí thẩm định:		Phí thẩm định: 600.000đ/

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	làm việc	(địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	600.000đ/ Giấy chứng nhận		Giấy chứng nhận
IV	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (23 TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
2	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công	Trình tự thực hiện: - Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy xác nhận trước thời hạn hết hiệu lực của giấy xác nhận 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp

lý nhà nước của Bộ Công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thương. Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.	cấp mới. Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
4	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/ 10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh	Trình tự thực hiện: - Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy xác nhận trước thời hạn hết hiệu lực của giấy xác nhận 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hành hóa.	thẩm định
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định		Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
6	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định		Trình tự thực hiện: - Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trước thời hạn hết hiệu lực của giấy chứng nhận 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
7	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định:	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC):

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		(địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
8	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định		Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định		Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
10	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện	Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Bà Trung, Phường 6, Quận 3)	kinh doanh/lần thẩm định	pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
11	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	Trình tự thực hiện: - Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. Phí thẩm định : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			6, Quận 3)	đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
13	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	
14	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tiện vận tải		Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
16	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	
17	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ	15 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định:	Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC):

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải		(địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	
20	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
22	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá	doanh/ lần thẩm định.
23	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				lần thăm định.	hàng hoá	
V	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (01 TTHC)					
1	Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	
VI	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (04 TTHC)					
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.	
2	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Không	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)		Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.	
3	Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.	
4	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)	Không	Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.	

C.2. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận - huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (02 TTHC)						
1	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.100.000đ/ lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.	Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 1.100.000đ/ lần thẩm định/hồ sơ Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
2	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.100.000đ/ lần thẩm định/hồ sơ		Phí thẩm định (Thông tư 299/2016/TT-BTC): 1.100.000đ/ lần thẩm định/hồ sơ Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
II Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (05 TTHC)						
1	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				lần thẩm định	Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số	Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định	Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh	Phí thẩm định (Thông tư 168/2016/TT-BTC): 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.	
4	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận/huyện	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	Thương nhân phải nộp hồ Trình tự thực hiện: - Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh</p>	<p>đối với trường hợp cấp mới.</p> <p>Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định</p> <p>Địa điểm thực hiện (theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP): Ủy ban nhân dân quận/huyện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.	

D. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**D.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (07 TTHC)		
1	T-HCM-271815-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
2	T-HCM-271816-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (trường hợp: bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
3	T-HCM-271818-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
4	T-HCM-271819-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp: bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
5	T-HCM-271821-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
6	T-HCM-271822-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
7	T-HCM-271823-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm; trường	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
		hợp: bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	lít/năm)
II	Lĩnh vực Điện (01 TTHC)		
1	T-HCM-271922-TT	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
III	Lĩnh vực Hóa chất (13 TTHC)		
1	T-HCM-271825-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
2	T-HCM-271826-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất (trường hợp bị mất, bị hư hỏng)	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
3	T-HCM-271836-TT	Thủ tục Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
4	T-HCM-271837-TT	Thủ tục Xác nhận khai báo hóa chất sản xuất	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
5	T-HCM-	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
	271827-TT	xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
6	T-HCM-271828-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
7	T-HCM-271829-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
8	T-HCM-271830-TT	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
9	T-HCM-271831-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
10	T-HCM-271832-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
11	T-HCM-271833-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
		điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	của Luật Hóa chất
12	T-HCM-271834-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
13	T-HCM-271835-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
IV	Lĩnh vực Khoa học công nghệ (01 TTHC)		
1	T-HCM-271915-TT	Thủ tục Xác nhận công bố hợp quy phân bón vô cơ	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón
V	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (51 TTHC)		
1	T-HCM-271838-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
2	T-HCM-271840-TT	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (trường hợp: bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
3	T-HCM-271841-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
4	T-HCM-271843-TT	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
5	T-HCM-271844-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
6	T-HCM-271846-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
7	T-HCM-271850-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
8	T-HCM-271851-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
9	T-HCM-271852-TT	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
10	T-HCM-271847-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
11	T-HCM-	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
	271849-TT	thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	bán buôn sản phẩm thuốc lá
12	T-HCM-271853-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
13	T-HCM-271855-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
14	T-HCM-271856-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
15	T-HCM-271854-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
16	T-HCM-271857-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
17	T-HCM-271859-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
18	T-HCM-271860-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
19	T-HCM-271858-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
20	T-HCM-271861-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cấp LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
21	T-HCM-271867-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cấp LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
22	T-HCM-271868-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cấp LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
23	T-HCM-271862-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện cấp LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
24	T-HCM-271869-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
25	T-HCM-271871-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
26	T-HCM-271872-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
27	T-HCM-271870-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
28	T-HCM-271873-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
29	T-HCM-271875-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
30	T-HCM-271876-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
31	T-HCM-271874-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
32	T-HCM-271877-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
33	T-HCM-271879-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
34	T-HCM-271880-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
35	T-HCM-271878-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
36	T-HCM-271881-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
37	T-HCM-271883-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
38	T-HCM-271884-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
39	T-HCM-271882-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
40	T-HCM-271885-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
41	T-HCM-271887-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
42	T-HCM-271888-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
43	T-HCM-271886-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
44	T-HCM-271889-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
45	T-HCM-271891-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
46	T-HCM-271892-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
47	T-HCM-271890-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
48	T-HCM-271893-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
49	T-HCM-271895-TT	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
50	T-HCM-271896-TT	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
51	T-HCM-271894-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
V	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (03 TTHC)		
1	T-HCM-271910-TT	Thủ tục Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
2	T-HCM-271911-TT	Thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
3	T-HCM-271912-TT	Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo thuộc lĩnh vực bán hàng đa cấp	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
VI	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (04 TTHC)		
1	T-HCM-271904-TT	Thủ tục Đăng ký thực hiện khuyến mại	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	T-HCM-271905-TT	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	T-HCM-271908-TT	Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
4	T-HCM-271909-TT	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
VII	Lĩnh vực Xuất Nhập khẩu (01 TTHC)		
1	T-HCM-271918-TT	Thủ tục xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	Bỏ do không được quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BCT ngày 28/8/2017 của Bộ Công Thương bãi bỏ thông tư số 12/2015/TT-BCT ngày 12/6/2015 của Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép

D.2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận - huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (02 TTHC)		
1	T-HCM-271935-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
2	T-HCM-271936-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (05 TTHC)		

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	T-HCM-271941-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ rượu
2	T-HCM-271943-TT	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
3	T-HCM-271942-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
4	T-HCM-271938-TT	Thủ tục cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
5	T-HCM-271939-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bãi bỏ do bị thay thế bởi thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

D.3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã - thị trấn

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (03 TTHC)		
1	T-HCM-271947-TT	Thủ tục Đăng ký, đăng ký lại (trường hợp hết hiệu lực) giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2	T-HCM-271948-TT	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

3	T-HCM-271949-TT	Thủ tục Đăng ký lại giấy xác nhận sản xuất rượu thủ công để bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
---	-----------------	---	--

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng